

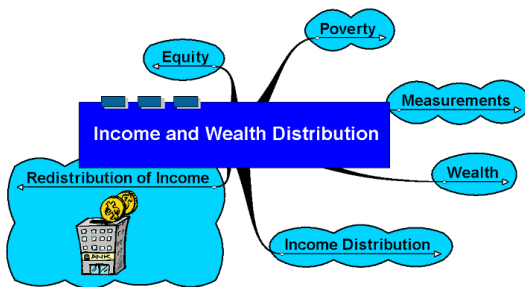
PHẦN III CHÍNH PHỦ VÀ VIỆC ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

EQUITY

Chương 1

Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
Inequality

Income and Wealth Distribution



Kết cấu chương

- Đo lường sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
- Nguyên nhân của bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
- Các sự lựa chọn chính sách

I. Introduction

Income share held by quintiles (2005)

Country (in order of increasing GNP per capita)	The Poorest 20% get ... % of income	The Highest 20% get ...% of income
Bangladesh	9.4	40.8
Kenya	4.7	53
Indonesia	7.1	47.3
Philippines	5.6 (2006)	50.4 (2006)
Paraguay	3.0	57.6
Costa Rica	4.2	51.8
Brazil	2.9	60

Income share held by highest 20%

Year	2005	2006	2007
Brazil	60.0	59.5	58.7
Argentina	53.9	53.0	
Cambodia			52.0
China	47.8		
Indonesia	47.3		45.5
Mexico		53.3	56.4
Vietnam		45.4	

Source: WB

Poverty headcount ratio at \$1.25 a day (2005 international prices) - (% of population)

Country Name	2005
East Asia & Pacific (developing only)	16.78
Europe & Central Asia (developing only)	3.7
Latin America & Caribbean (developing only)	8.22
Low & middle income	25.2
Middle East & North Africa (developing only)	3.6
South Asia	40.34
Sub-Saharan Africa (developing only)	50.91

Source: www.wb.org

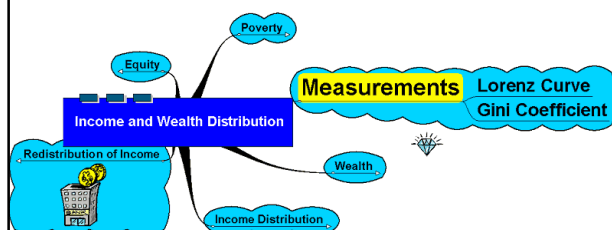
Poverty headcount ratio at \$2 a day (2005 international prices) (in parentheses = ratio at \$1.25 a day)

Country name	2005	2006	2007
Brazil	18.3 (7.8)	16.4 (7.4)	12.7 (5.2)
Dominican Republic	15.1 (5)	13.5 (4)	12.3 (4.4)
Indonesia	53.8 (21.4)		60.0 (29.4)
Liberia			94.8 (83.7)
Madagascar	89.6 (67.8)		
Mali		77.1 (51.4)	
Vietnam		48.4 (21.5)	
China	36.3 (15.9)		

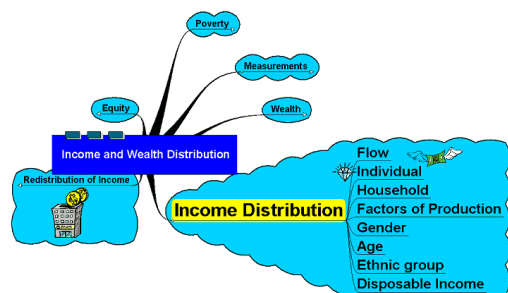
Source: WB

II. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

Measurements



Income Distribution



- Bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập có thể được xác định bởi
 - Lịch sử
 - Sự phân hóa giai cấp trong xã hội
 - Chính trị và các chính sách của nhà nước
- Để xác định được mức độ ảnh hưởng của các biến số trên lên tình trạng bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, cần sử dụng công cụ kinh tế lượng

1. Đo sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

- Đo sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập Measuring Inequality
 - Size distributions – phân bổ theo qui mô
 - Đường Lorenz và hệ số Gini
 - Functional distributions – phân bổ theo chức năng

Measuring Inequality

- Đo sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
 - size distributions- phân bổ theo qui mô
 - Hộ gia đình X kiếm bao nhiêu thu nhập?
 - Sắp xếp người dân dựa theo thu nhập và đưa vào các nhóm lớn
 - Không tính đến sự khác biệt về nguồn thu nhập (ví dụ năng lực)
 - Một số khái niệm về nhóm: quartile (tứ phân vị) = 25% dân số; decile (thập phân vị) = 10%; quintile (ngũ phân vị) = 20%.

TABLE 6.1 Typical Size Distribution of Personal Income in a Developing Country by Income Shares—Quintiles and Deciles

Household	Personal Income (money units)	Percentage Share in Total Income	
		Quintiles	Deciles
1	0.8		
2	1.0		1.8
3	1.4		
4	1.8	5	3.2
5	1.9		
6	2.0		3.9
7	2.4		
8	2.7	9	5.1
9	2.8		
10	3.0		5.8
11	3.4		
12	3.8	13	7.2
13	4.2		
14	4.8		9.0
15	5.9		
16	7.1	22	13.0
17	10.5		
18	12.0		22.5
19	13.5		
20	15.0	51	28.5
Total (national income)		100	100.0

Note: Measure of inequality = ratio of bottom 40% to top 20% = 14/51 = 0.28.

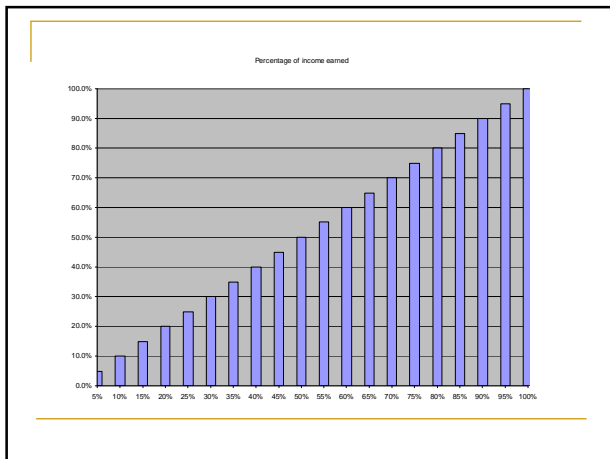
Tỷ số Kuznets:

Tỷ lệ giữa tỷ trọng phần thu nhập của 40% dân số thu nhập thấp nhất và tỷ trọng phần thu nhập của 20% dân số thu nhập cao nhất

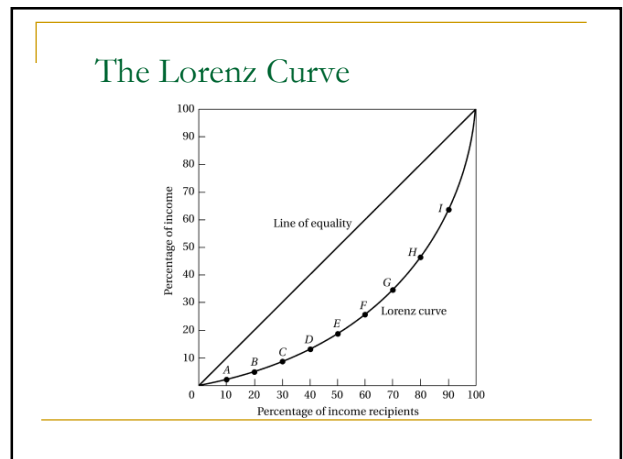
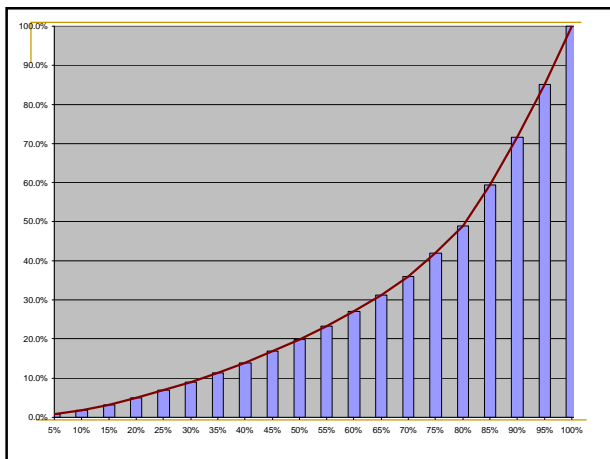
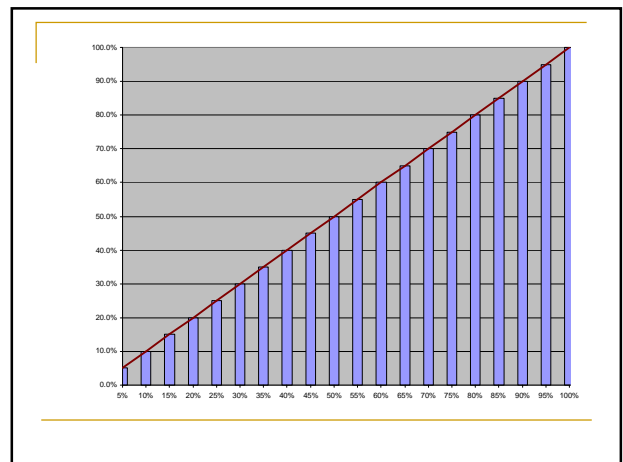
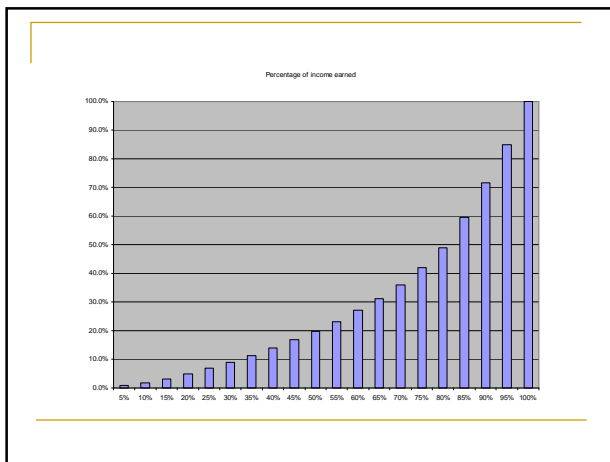
Measuring Inequality

- Đường Lorenz
 - Sắp xếp dân cư theo tỷ trọng thu nhập nhận được theo thứ tự tăng dần, chia dân số thành các nhóm có số dân bằng nhau, mỗi nhóm là một phân vị
 - Tính toán tỷ lệ phần trăm cộng dồn.
 - Sắp xếp các tỷ lệ phần trăm cộng dồn của các hộ dân cư với phần trăm thu nhập cộng dồn tương ứng

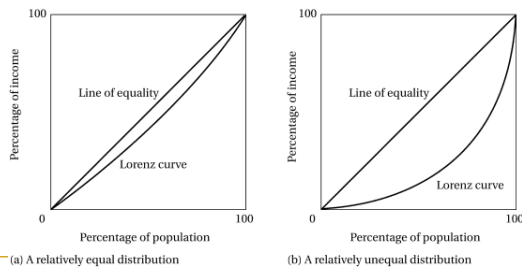
Households	Income	Cumulative Percentage of Households	Cumulative Percentage of income earned
1	5	5%	5.0%
2	5	10%	10.0%
3	5	15%	15.0%
4	5	20%	20.0%
5	5	25%	25.0%
6	5	30%	30.0%
7	5	35%	35.0%
8	5	40%	40.0%
9	5	45%	45.0%
10	5	50%	50.0%
11	5	55%	55.0%
12	5	60%	60.0%
13	5	65%	65.0%
14	5	70%	70.0%
15	5	75%	75.0%
16	5	80%	80.0%
17	5	85%	85.0%
18	5	90%	90.0%
19	5	95%	95.0%
20	5	100%	100.0%



Households	Income	Cumulative Percentage of Households	Cumulative Percentage of income earned
1	0.80	5%	0.8%
2	1.00	10%	1.8%
3	1.40	15%	3.2%
4	1.80	20%	5.0%
5	1.90	25%	6.9%
6	2.00	30%	8.9%
7	2.40	35%	11.3%
8	2.70	40%	14.0%
9	2.80	45%	16.8%
10	3.00	50%	19.8%
11	3.40	55%	23.2%
12	3.80	60%	27.0%
13	4.20	65%	31.2%
14	4.80	70%	36.0%
15	5.90	75%	41.9%
16	7.10	80%	49.0%
17	10.50	85%	59.5%
18	12.00	90%	71.5%
19	13.50	95%	85.0%
20	15.00	100%	100.0%

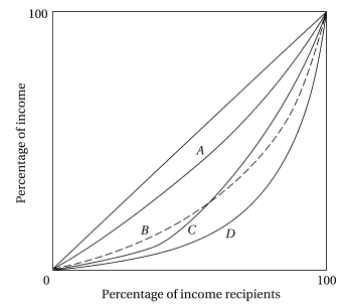


The Greater the Curvature of the Lorenz Line, the Greater the Relative Degree of Inequality



Four Possible Lorenz Curves

Which is the least unequal country?
Which is the most unequal?
Can we rank them all?



■ Tiện ích của đường Lorenz:

- Cho phép hình dung được mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, thông qua hình dạng của đường cong
- Cho phép so sánh mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập giữa các quốc gia hay giữa các thời kỳ phát triển.

■ Hạn chế của đường Lorenz:

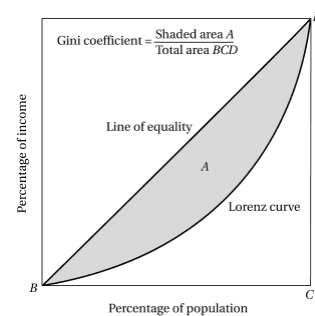
- Đây chỉ là sự so sánh mang tính định tính vì chưa lượng hóa được sự bất bình đẳng bằng một chỉ số.
- Không thể có kết luận chính xác khi các đường Lorenz giao nhau và rất phức tạp khi phải so sánh quá nhiều nước cùng lúc

1. Đo sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

■ Measuring Inequality

- Hệ số Gini
- Đây là một phương pháp mang tính định lượng nhằm xác định một xã hội cách xa với mức bình đẳng tuyệt đối như thế nào
 - Tính diện tích khu vực nằm giữa đường bình đẳng tuyệt đối và đường Lorenz.
 - Lấy diện tích này chia cho phần tổng diện tích nằm dưới đường bình đẳng tuyệt đối.

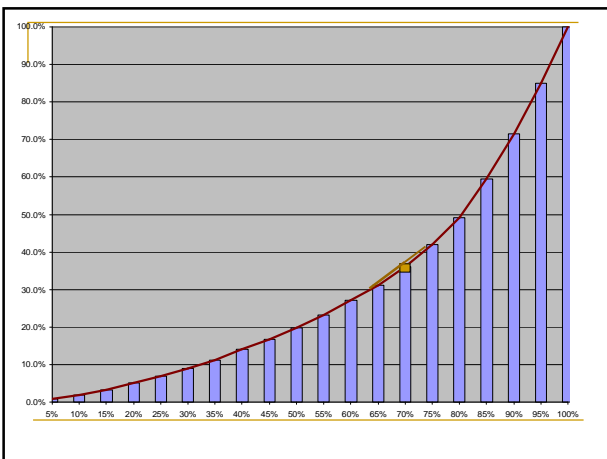
Estimating the Gini Coefficient



The Gini Coefficient

- Hệ số Gini khá tiện lợi vì
 - Tính chất vô danh - *anonymus*: nó không đối xử với một số người tốt hơn những người khác, nó chỉ thống báo thu nhập của họ.
 - Tính chất độc lập về mức độ- *scale-independent*: đo lường thu nhập bằng USD hay VND thì không làm thay đổi kết quả
 - Tính chất độc lập liên quan đến dân số *population-independent*: thay đổi tổng số người nhưng giữ nguyên sự phân bố thu nhập thì không làm thay đổi hệ số.
 - Nguyên tắc chuyển giao the *transfer principle*: chuyển giao thu nhập từ một người giàu hơn sang một người nghèo hơn (mà không chuyển đổi trật tự của họ) làm cải thiện hệ số.

Households	Income	Cumulative Percentage of Households	Cumulative Percentage of income earned
1	0.80	5%	0.8%
2	1.00	10%	1.8%
3	1.40	15%	3.2%
4	1.80	20%	5.0%
5	1.90	25%	6.9%
6	2.00	30%	8.9%
7	2.40	35%	11.3%
8	2.70	40%	14.0%
9	2.80	45%	16.8%
10	3.00	50%	19.8%
11	3.40	55%	23.2%
12	3.80	60%	27.0%
13	4.20	65%	31.2%
14	4.80	70%	36.50%
15	5.90	75%	36.0% (old)
16	7.10	80%	41.9%
17	10.50	85%	59.5%
18	12.00	90%	71.5%
19	13.50	95%	85.0%
20	15.00	100%	100.0%



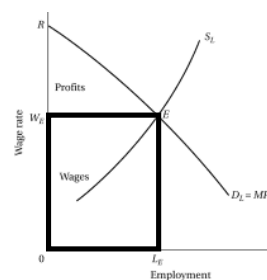
■ Nhược điểm của cách đo lường bằng hệ số Gini:

- Có thể cùng một hệ số Gini, nhưng hình dạng các đường Lorenz lại khác nhau do độ phân bố các nhóm dân cư có mức thu nhập khác nhau là không giống nhau.
- Không thể phân tách hệ số Gini theo các phân nhóm (các vùng, miền, thành thị, nông thôn) rồi sau đó tổng hợp lại.

Measuring Inequality

- Các phân bố theo chức năng
- => Thu nhập của các loại nhân tố SX được tính như thế nào? Tức là phần thu nhập của lao động trong tổng thu nhập là thế nào và phần của lợi nhuận, địa tô, lãi suất trong tổng thu nhập là thế nào?

Functional Income Distribution in a Market Economy: An Illustration



According to this theory, incomes are determined by demand for the input (and therefore by its marginal productivity) and by its supply.

Non-market influences (or market imperfections) are ignored.

2. Nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

2. Causes of inequality

- Có hai đặc trưng của thị trường lao động có thể gây ra sự bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập:

- Nhân lực
- Sự phân biệt đối xử

2.1. Nhân lực

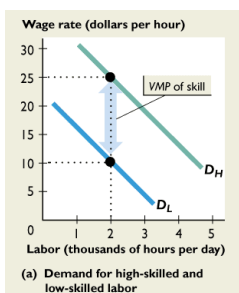
- Công nhân có tay nghề cao sẽ có giá trị sản phẩm biên cao hơn công nhân có tay nghề thấp.
- Xem hình (a) về nhu cầu đối với hai loại công nhân

HOW INEQUALITY ARISES

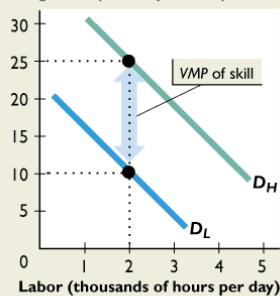
Demand for High-skilled and low-skilled labor

High-skilled labor has a higher *VMP* than low-skilled labor and a greater demand.

The demand curve for high-skilled labor, D_H , lies above the demand curve for low-skilled labor, D_L , by the *VMP* of skill.



Wage rate (dollars per hour)



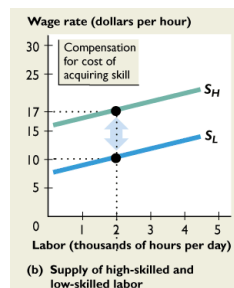
HOW INEQUALITY ARISES

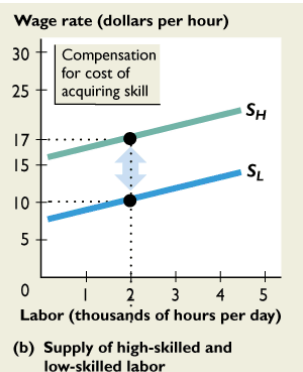
□ The Supply of High-Skilled and Low-Skilled Labor

- Skills are costly to acquire, and a worker pays the cost of acquiring a skill before benefiting from a higher wage.
- Figure (b) on the next slide illustrates the supply of high-skilled and low-skilled labor

High-skilled labor bears the cost of acquiring skill.

The supply curve of high-skilled labor, S_H , lies above the supply curve of low-skilled labor, S_L , by the compensation for the cost of acquiring skill.



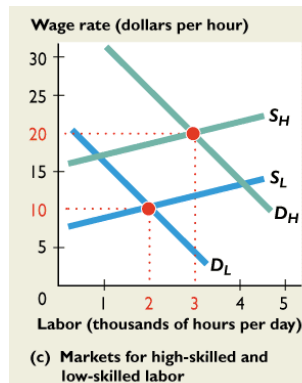
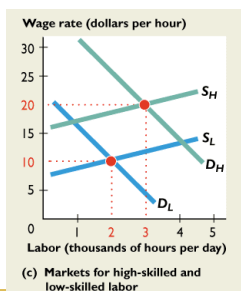


HOW INEQUALITY ARISES

- Wage rates of High-Skilled and Low-Skilled Labor
 - The combined effects of skill on the demand for and supply of labor generate a higher wage for high-skilled labor than for low-skilled labor.
 - Figure (c) on the next slide illustrates the skilled wage differential.

HOW INEQUALITY ARISES

- The demand for low-skilled labor, D_L , and the supply of low-skilled labor, S_L , determine the wage rate of low-skilled labor—in this example at \$10 an hour.
- The demand for high-skilled labor, D_H , and the supply of high-skilled labor, S_H , determine the wage rate of high-skilled labor—in this example at \$20 an hour.



2.2. Sự phân biệt đối xử

- Sở hữu không giống nhau về tư bản
 - Một trong số các nguyên nhân của bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập đến từ tiết kiệm và thừa kế
 - Có hai yếu tố làm cho thừa kế giữa các thế hệ là một nguyên nhân của bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập:
 - Nợ nần không thể được thừa kế.
 - Môn đăng hộ đối

- **Debts Cannot Be Bequeathed**
- Nợ nần không thể được chuyển từ người này sang thành viên khác của hộ
- Vì thừa kế bằng 0 là khoản thừa kế bé nhất mà một người nhận được, thừa kế chỉ có thể làm tăng sự giàu có cho các thế hệ sau.
- **Assortative Mating**
- Xu thế cưới xin mang tính môn đăng hộ đối,
- Cửa cải trở nên tập trung hơn

- Ngoài ra có thể kể đến một số nguyên nhân khác như may mắn, thành công trong kinh doanh, ...

3. Các lựa chọn về chính sách Policy Options

■ Phạm vi can thiệp

- Thay đổi việc phân bổ theo chức năng
 - Chuyển thu nhập nhiều hơn cho lao động và ít hơn cho tư bản
- Can thiệp vào nguyên nhân gây ra bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập.
 - Cải cách ruộng đất, vi tín dụng, giáo dục cơ bản
- Áp dụng các loại thuế lũy tiến
- Các chương trình xóa đói giảm nghèo: chuyển giao trực tiếp hoặc trợ cấp lương thực, giáo dục, dạy nghề, sức khỏe...

□ Thay đổi giá cả các nhân tố SX tương ứng

- Công nhân làm việc trong các ngành SX truyền thống có thu nhập thấp và các luật định liên quan đến lương tối thiểu lại ít được đẩy mạnh.
- Mức lương cao mang tính gượng ép trong khu vực SX hiện đại do luật định hoặc do đấu tranh công đoàn làm giảm tăng trưởng của khu vực SX hiện đại, làm cho nhiều người trở nên nghèo đói hơn.

- Mức lương tự nhiên theo thị trường điều tiết (thường là thấp hơn) tại khu vực SX hiện đại có thể làm tăng việc làm và thu nhập cho người nghèo
- Chi phí tư bản xác định theo thị trường (thường là cao hơn) có thể khuyến khích các công ty thuê nhân công thay vì mua tư bản

- Tăng cường việc cung cấp công cộng các HH và dịch vụ công cộng hướng tới người nghèo
- Cần phải có một "gói" các chính sách mang các đặc điểm sau:
 - Hiệu quả hơn, tạo nhiều việc làm hơn và ít đói nghèo hơn
 - Thay đổi mang tính cấu trúc về vấn đề sở hữu tài sản
 - Các loại thuế lũy tiến và chuyển giao thu nhập

End of part II

Chương 2: Nghèo đói và tái phân bổ thu nhập

Poverty

Kết cấu chương

1. Đo lường sự nghèo đói
2. Mối quan hệ giữa bất bình đẳng và nghèo đói
3. Đói nghèo ở Việt nam và một số giải pháp
4. Một số lý thuyết về tái phân bổ thu nhập

1. Đo lường sự đói nghèo

- Đói nghèo là tình trạng:
 - Thiếu thu nhập;
 - Thiếu nước uống;
 - Thiếu phương tiện chăm sóc sức khỏe
 - Thiếu sự bảo vệ chống lại các cú sốc có hại



■ Thiếu thu nhập



■ Thiếu nước sạch



- Thiếu phương tiện chăm sóc sức khỏe



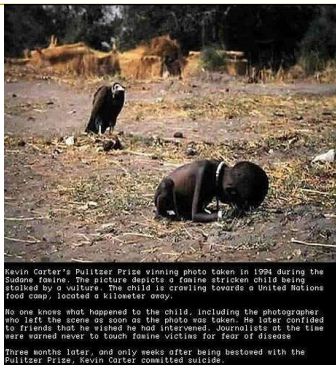
- Thiếu sự bảo vệ chống lại các cú sốc có hại



A POOR IN A DEVELOPED COUNTRY



- A POOR IN A DEVELOPING COUNTRY



A POOR IN A LESS THAN DEVELOPED COUNTRY

Một số khái niệm:

- Ngưỡng nghèo: ranh giới để phân biệt người nghèo và người không nghèo (chuẩn nghèo)
- Ngưỡng nghèo tuyệt đối: mức sống được xem là tối thiểu cần thiết để cá nhân hoặc hộ gia đình có thể tồn tại khỏe mạnh.
- Ngưỡng nghèo tương đối: là ranh giới thu nhập dùng để phản ánh tình trạng của một bộ phận dân cư sống dưới mức trung bình của cộng đồng



Measuring Poverty

- Đếm số đầu người nghèo tuyệt đối - Absolute Poverty Headcount - *H đơn giản xác định số người có mức thu nhập dưới mức nghèo tuyệt đối.*
- Chỉ số đếm đầu - Headcount index - *H/N chia H cho tổng số dân = tỷ lệ đói nghèo*
- Mức nghèo quốc tế là \$1 mỗi ngày, tuy nhiên tùy điều kiện các khu vực mà có các mức khác đi



- Chỉ số đếm đầu: tỉ lệ đói nghèo cho biết tình trạng nghèo đói của một nước.

■ Hạn chế:

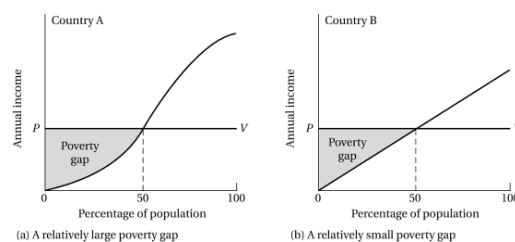
- Ngưỡng nghèo của các nước là không thống nhất
- Chỉ số đề cập đến con số, chứ chưa phản ánh được mức độ nghèo đói, bản chất của nghèo đói, nguồn gốc của đói nghèo.

Poverty Gap



- Tổng Khoảng nghèo: tổng các mức thiếu hụt của tất cả người nghèo trong nền kinh tế

Measuring the Poverty Gap



- Hai nước A, B có ngưỡng nghèo bằng nhau và tỷ lệ đói nghèo là 50% nhưng khoảng nghèo của nước A > khoảng nghèo của nước B. Nghĩa là qui mô nghèo đói của nước A lớn hơn nước B

Measuring Poverty

- Tổng khoảng nghèo - Total poverty gap

$$TPG = \sum_{i=1}^H (Y_p - Y_i)$$

Trong đó Y_p ngưỡng nghèo tuyệt đối - absolute poverty line

Y_i là thu nhập của cá nhân i

Measuring Poverty

- Khoảng đói nghèo trung bình - Average poverty gap

$$APG = \frac{TPG}{H}$$

Trong đó H là số người sống dưới mức nghèo khổ
TPG là tổng khoảng đói nghèo

Measuring Poverty

- Khoảng đối nghèo tiêu chuẩn –(The Normalized Poverty Gap = Total Poverty Gap divided by the product of the poverty line and the population)

$$NPG = \frac{\sum_{i=1}^H (Y_p - Y_i)}{NY_p}$$

Measuring Poverty

■ Cách đo lường Foster-Greer-Thorbecke

- Một cách đo đối nghèo rất phổ biến, nó thỏa mãn
 - Tính vô danh - anonymity (no person is worth more than another),
 - Tính độc lập về dân số - population independence (a larger population doesn't change it, ceteris paribus),
 - Tính đơn điệu -monotonicity (làm cho một người giàu hơn lên không làm tăng chỉ số) và
 - Tính nhạy cảm về phân phối- distributional sensitivity (lấy đi thu nhập từ một người nghèo làm cho chỉ số đối nghèo trở nên tồi tệ hơn).

Measuring Poverty

- Foster-Greer-Thorbecke measure

$$P_\alpha = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^H \left(\frac{Y_p - Y_i}{Y_p} \right)^\alpha$$

- $\alpha = 1$, chúng ta có công thức tính khoảng nghèo
- $\alpha=2$, chúng ta có một công thức rất hữu hiệu thể hiện được cường độ của đói nghèo. Vì nó tăng trọng số cho những nhóm nghèo nhất trong dân số.

The Human Poverty Index

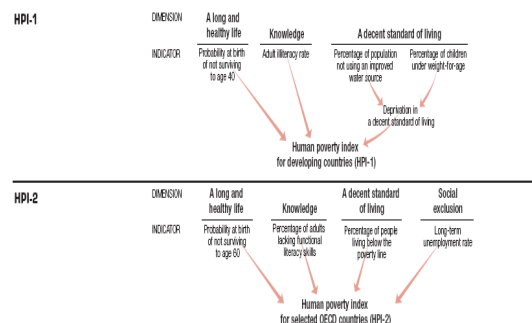
- Chỉ số nghèo đói nhân loại cho các nước đang phát triển - The Human Poverty Index (UNDP-United Nations Development Program)
- Không được sống -deprivation of life (% những người khi sinh mà hi vọng có tuổi thọ < 40t)
- Không được đi học- Deprivation of education (% người mù chữ)
- Không có dự trữ kinh tế - Deprivation of economic provisioning (% những người không được chăm sóc sức khỏe và thiếu nước sạch cộng với % trẻ dưới 5 tuổi bị thiếu cân)

$$HPI = \left[\frac{1}{3} (P_1^\alpha + P_2^\alpha + P_3^\alpha) \right]^{\frac{1}{\alpha}}$$

■ For OECD countries (HPI-2)

- $HPI = \left[\frac{1}{4} (P_1^\alpha + P_2^\alpha + P_3^\alpha + P_4^\alpha) \right]^{\frac{1}{\alpha}}$
- P_1 : Probability at birth of not surviving to age 60
- P_2 : Adults lacking functional literacy skills
- P_3 : Population below income poverty line
- P_4 : Rate of long-term unemployment (lasting 12 months or more)
- α : 4

The Human Poverty Index -HPI



Measuring Poverty - Problems

- Is “\$1 a day” too low?
- Is “\$2 a day” too low?
 - Lots of people live between “\$1 a day” and “\$2 a day”, and although there are fewer people below “\$1 a day”, the proportion of people living under “\$2 a day” hasn’t fallen much.

Measuring Poverty - Problems

- How about “\$15 a day” as the standard to say that someone is poor?
 - If “\$15 a day” makes you poor in the US, why should you be non-poor if you make “\$10 a day” in Zambia?
- How about using **income** rather than **consumption**, and national accounts rather than surveys?
 - The number of poor people seem to be much fewer.

2. Bất bình đẳng và nghèo đói

- Bất bình đẳng về phân bổ thu nhập là không tốt
 - Bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập dẫn đến thiếu hiệu quả kinh tế
 - Thiếu tiền sẽ dẫn đến thiếu kinh phí cho các cơ hội sản xuất HH
 - Khi tầng lớp trung lưu có tỷ lệ tiết kiệm trung bình và tỷ lệ tiết kiệm cận biên cao nhất, bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập sẽ dẫn đến tiết kiệm và đầu tư thấp

Bất bình đẳng và nghèo đói

- Bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập dẫn đến thiếu hiệu quả trong sử dụng tài nguyên.
 - Quá đề cao học vấn cao làm thiếu sự chú ý đến học vấn cơ bản, nguồn nhân lực chạy theo hình thức
 - Đầu tư không hợp lý, thiếu sự cân bằng vào giáo dục ở các trình độ.

Bất bình đẳng, nghèo đói

- Bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập dẫn đến sự phân hóa xã hội sâu sắc, tình trạng đói nghèo và các loại tội phạm gia tăng.
- Làm bất ổn chính trị và xã hội
 - Người nghèo cố gắng tạo thay đổi còn người giàu thì cố gắng giữ địa vị để có quyền lực và tham nhũng
 - Hầu hết mọi người đều cho điều đó là bất công

3. Đói nghèo ở Việt nam Poverty in Vietnam

See the PDF file as reference

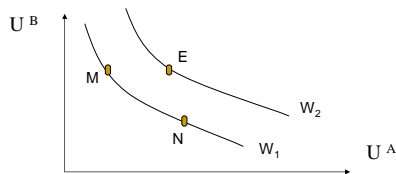
IV. Tái phân bổ thu nhập - Redistribution

1. Một số lý thuyết về tái phân bổ thu nhập

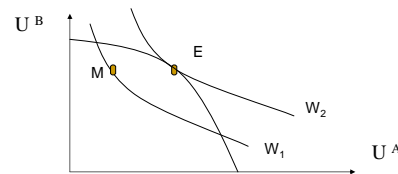
- Thuyết vị lợi
- Quan điểm bình quân đồng đều
- Thuyết cực đại thấp nhất (Rawl's Theory)
- Các quan điểm không dựa trên độ thỏa dụng cá nhân

Đường bàng quan xã hội và đường khả năng thỏa dụng

- Đường bàng quan xã hội là quỹ tích tất cả các điểm kết hợp giữa độ thỏa dụng của mọi thành viên trong XH mà những điểm đó mang lại mức FLXH bằng nhau



- Đường khả năng thỏa dụng là đường biểu thị mức thỏa dụng tối đa mà một cá nhân hay nhóm người có thể đạt được trong XH khi cho trước mức thỏa dụng của cá nhân hay nhóm người khác (tính chất giống đường khả năng SX)



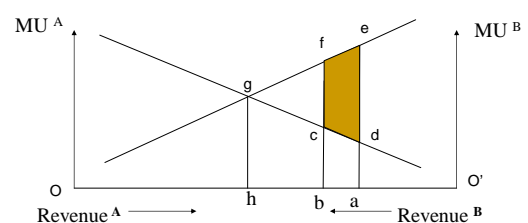
i. Thuyết vị lợi

a. Giả thuyết:

- Các cá nhân có hàm ích lợi biên đồng nhất và chỉ phụ thuộc vào mức thu nhập của họ
- Các hàm ích lợi biên này tuân theo qui luật ích lợi cận biên giảm dần
- Tổng mức thu nhập sẵn có là cố định và không thay đổi khi tiến hành phân phối lại

b. Mô tả:

Xem đồ thị



- ✓ Lost of A: $abcd$
- ✓ Gain of B: $abef$
- ✓ Gain of Social welfare: $cdef$
- ✓ g : max of social welfare, revenue $i = h$

Kết luận: Theo thuyết vị lợi, phân phối thu nhập tối ưu là phân phối thu nhập có $MU^A = MU^B \Rightarrow$ bình đẳng tuyệt đối

c, Một số vấn đề

- Liên quan đến giả thuyết 1: nếu các cá nhân có các hàm MU khác nhau => khó có sự bình đẳng tuyệt đối
- Liên quan đến giả thuyết 2: qui luật ích lợi giới hạn giảm dần, thường đúng với HH, vậy với thu nhập ??
- Liên quan đến giả thuyết 3: Tổng mức thu nhập sẵn có là cố định và không thay đổi khi tiến hành phân phối lại=> thực tế, có sự thất thoát về thu nhập khi tiến hành tái phân bổ

ii. Quan điểm bình quân đồng đều

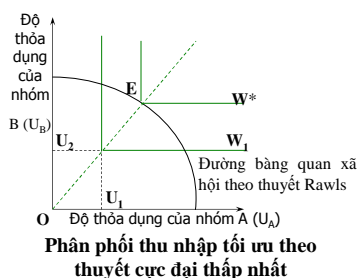
- Mục tiêu phân đầu của xã hội là phúc lợi bằng nhau cho mọi thành viên trong xã hội
- Với một mức thu nhập quốc dân cố định, phải phân phối lượng thu nhập đó sao cho ích lợi giành cho mỗi người là như nhau
- Hàm phúc lợi xã hội có dạng:
 - $W = U_1 = U_2 = \dots = U_n$

Một số vấn đề

- Phân bổ tuyệt đối bình đẳng
- Nếu hàm ích lợi giới hạn của các cá nhân là khác nhau?
- Rất khó được thực hiện

iii, Thuyết cực đại thấp nhất (Rawls Theory)

- **Nội dung**
FLXH chỉ phụ thuộc vào lợi ích của người nghèo nhất. Vì vậy, muốn có FLXH đạt tối đa thì phải cực đại hóa độ thỏa dụng của người nghèo nhất
- **Hàm FLXH**
Rawls đặt trọng số bằng 1 đối với người có độ thỏa dụng thấp nhất, còn những người khác có trọng số bằng 0.
 $W = \text{minimum } \{U_1, U_2, \dots, U_n\}$



Bắt đầu từ việc phân phối lại bằng cách tăng độ thỏa dụng cho người nghèo nhất đến khi địa vị của họ được cải thiện sẽ chuyển sang đối tượng khác mà lúc này có mức lợi ích thấp nhất trong xã hội.

- Khắc phục được một phần nhược điểm của thuyết vị lợi do đặt trọng số 100% vào phúc lợi của người nghèo.
- Nếu giả thiết của thuyết này được thỏa mãn thì phân phối phúc lợi cuối cùng sẽ đảm bảo sự bình đẳng tuyệt đối.

Kết quả cuối cùng **phân phối tối ưu xã hội** sẽ đạt được khi:

$$U_A = U_B$$

iv. Các quan điểm không dựa trên độ thỏa dụng cá nhân

- Cần quan tâm đến một mức sống tối thiểu mà tất cả các cá nhân trong XH có quyền được hưởng. Mức sống đó được xác định bằng những HH tiêu dùng thiết yếu như thực phẩm, quần áo, chi phí chữa bệnh, nhà ở... Với tổng chi phí cho chúng gọi là chi phí tối thiểu
- Những ai có thu nhập dưới mức min sẽ được chính phủ giúp đỡ thông qua các chương trình trợ cấp và an sinh xã hội.

2. Tái phân bổ thu nhập

Redistribution of Income



Các vấn đề về tái phân bổ thu nhập

- Xã hội có thể quyết định tái phân bổ thu nhập từ người giàu sang người nghèo để đạt được sự công bằng lí tưởng
- Các chương trình tái phân bổ thu nhập có thể có các tác động đáng kể làm phá vỡ các mục tiêu ban đầu của chương trình

Important Side Effects of Redistributive Programs

- Có 3 tác động phụ của việc tái phân bổ thu nhập:
 - Tác động liên quan đến việc thích chơi hơn làm việc.
 - Tác động tới việc trốn thuế hoặc lậu thuế
 - Động cơ đòi hỏi nhiều hơn những gì mình đáng được nhận

Politics, Income Redistribution, and Fairness

- Mặc dầu số người nghèo lớn hơn số người giàu nhưng sự ủng hộ về chính trị đối với các chương trình tái phân bổ thu nhập
 - Nhiều người nghèo không bận tâm đến việc bỏ phiếu
 - Các nhà chính trị cũng không xem người nghèo như một thế lực cử tri vững vàng
 - Người nghèo vừa đi bầu cử, vừa nghĩ đến những vấn đề khác trong đầu

Income Redistribution Policies

- Chính phủ tái phân bổ thu nhập theo các cách trực tiếp và gián tiếp.

Income Redistribution Policies

- Các biện pháp trực tiếp
 - **Đánh thuế**— các chính sách thuế đưa ra thu thuế người giàu nhiều hơn người nghèo
 - **Các chương trình tiêu dùng**— các chương trình trợ giúp người nghèo nhiều hơn người giàu

Income Redistribution Policies

- Biện pháp gián tiếp liên quan đến việc thiết lập các qui định pháp lí, pháp luật về quyền sở hữu

Taxation to Redistribute Income

- Chính phủ thu thuế chủ yếu từ thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập DN.

Taxation to Redistribute Income

- Các chính quyền địa phương thu thuế chủ yếu từ thuế thu nhập, thuế bán hàng (VAT) và thuế sở hữu.

Taxation to Redistribute Income

- Thuế có thể:
 - **Lũy tiến** – tỷ suất thuế trung bình tăng theo thu nhập
 - **Thuế có tỉ lệ cân xứng** – tỷ suất thuế trung bình không đổi theo thu nhập.
 - **Lũy lùi (lũy thoái)** – tỷ suất thuế trung bình giảm theo thu nhập

Taxation to Redistribute Income

- Thu thuế không phải là một phương tiện hiệu quả trong tái phân bổ thu nhập

Expenditure Program to Redistribute Income

- Các chương trình tiêu dùng mang tính hiệu quả cao hơn so với thu thuế trong việc tái phân bổ thu nhập.

Social Security

- **An sinh xã hội** – một chương trình an sinh xã hội cung cấp các hỗ trợ tài chính cho người già và người khuyết tật và cho những người ăn theo họ
- **USA: Medicare** – chương trình chăm sóc y tế giành cho người già trên 65 tuổi.

Public Assistance Programs

- **Các chương trình hỗ trợ công cộng** – các chương trình xã hội trên cơ sở thẩm tra thu nhập của người nghèo để cung cấp các hỗ trợ tài chính, y tế, dinh dưỡng và nhà ở

Supplemental Security Income

- **USA: Chương trình an sinh bổ sung - Supplemental Security Income (SSI)** – chương trình của chính phủ Mỹ trợ cấp cho người già, người mù và người khuyết tật, dựa trên nhu cầu.

Unemployment Compensation

- **Trợ cấp thất nghiệp - Unemployment compensation** – hỗ trợ tài chính ngắn hạn, dựa trên nhu cầu, cho những cá nhân tạm thời bị thất nghiệp

Housing Programs

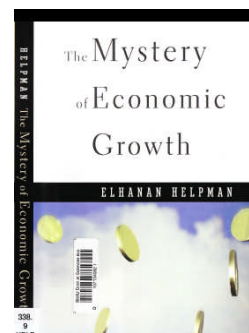
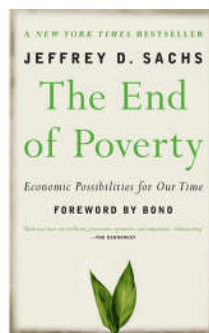
- **Chương trình hỗ trợ về nhà ở - Housing programs** – chính quyền trung ương hoặc địa phương có nhiều chương trình cải thiện nhà ở hoặc cung cấp chỗ ở cho những người có thu nhập thấp..

The Success of Income Redistribution Programs

- Thu nhập sau khi chuyển giao gần với mức bình đẳng hơn
- Mức độ công bằng đạt được tỷ lệ thuận với việc giảm tổng thu nhập của xã hội.

The Success of Income Redistribution Programs

- Các quyết định tái phân bổ thu nhập quan trọng nhất của chính phủ phải bao hàm cả việc thiết lập và bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, tức cần đẩy mạnh biện pháp mang tính gián tiếp.



Summary

- Bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập
 - Cách đo lường
 - Nguyên nhân
 - Các lựa chọn về chính sách
- Nghèo đói
 - Cách đo nghèo đói
 - Bất bình đẳng và nghèo đói
 - Đói nghèo ở Việt nam
- Tái phân bổ thu nhập

End of part III

Appendix: The Theil L Index

- The **Theil index**, derived by econometrician Henri Theil, a successor of Jan Tinbergen at the Erasmus University Rotterdam, is a statistic used to measure economic inequality.

Formula

- where x_i is the income of the i th person, $\bar{x} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^N x_i$ is the mean income of the population, The population is divided into m certain subgroups and \bar{x}_i is the average income in group i

The formula for the Theil-L index is:

$$T_L = \frac{1}{m} \sum_{i=1}^m T_{L_i} + \frac{1}{m} \sum_{i=1}^m \ln \frac{\bar{x}_i}{\bar{x}}$$

Theil L index: Decomposability

- One of the advantages of the Theil index is that it is a weighted average of inequality within subgroups, plus inequality among those subgroups. For example, inequality within the United States is the average inequality within each state, weighted by state income, plus the inequality among states.

For more detail, please go to
http://en.wikipedia.org/wiki/Theil_index